TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2017
Về việc: "Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hoài Sơn
Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Quang
Ông Ngô Văn Sỹ

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thái Trâm Anh là Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2017/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2017, về "Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T - sinh năm: 1986;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T1 - sinh năm: 1982;

Cùng trú tại: Tổ 152, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, cũng như quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Xuân T1 kết hôn với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Cự Nẫm, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống thuê trọ ở tại ở phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đến năm 2014 chuyển về sống tại tổ 152, phường H,

quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn vào đầu năm 2017. Nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế, áp lực của gia đình bên chồng muốn sinh con trai nên vợ chồng tôi thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vả, vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn lại được và vợ chồng sống ly thân. Nay tôi xác định không còn tình cảm gì với ông T1, tình trạng hôn nhân đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Toà án xem xét cho tôi ly hôn với ông T1.

+ Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Nam Bình - sinh ngày: 30/8/2009. Ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Xuân T1 trình bày trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với bà T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống tại tổ 152, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi sống rất vui vẻ hạnh phúc không có cãi vả to tiếng và bản thân tôi không có chửi bới đánh đập vợ con, tôi cũng không nhậu nhẹt chơi bời bỏ bê vợ con. Tôi chỉ mong bà T bỏ qua và quay về làm lại từ đầu để gia đình đoàn tụ. Tôi vẫn còn yêu thương vợ con tôi nhiều, trong mấy tháng vợ chồng tôi có mâu thuẩn tôi luôn tìm cách động viên và khuyên bảo bà T quay về nhưng bà T không đồng ý. Nay tôi xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, còn bà T muốn được ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn.

+ Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Nam Bình - sinh ngày: 30/8/2009. Nêu ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng có quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự gồm: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, 56 luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích T xin ly hôn ông Nguyễn Xuân T1.

+ Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA VỤ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Xuân T1 xây dựng gia đình vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Cự Nẫm, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống thuê trọ ở tại ở phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đến năm 2014 chuyển về sống tại tổ 152, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Theo bà T, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào đầu năm 2017. Nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế, áp lực của gia đình bên chồng muốn sinh con trai nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vả, hiện nay không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn lại được. Tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình cảm gì với ông T1 nên yêu cầu Toà án xem xét cho ly hôn với ông T1.

Còn theo ông Nguyễn Xuân T1 thì trong quá chung sống vợ chồng sống rất vui vẻ hạnh phúc không có cãi vả to tiếng và bản thân không có chửi bới đánh đập vợ con, cũng không nhậu nhẹt chơi bời bỏ bê vợ con. Tại phiên tòa, ông xác định vẫn còn yêu thương vợ con và xin được đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh tại nơi cư trú của bà T và ông T1, địa phương cung cấp vợ chồng chung sống hạnh phúc vui vẽ hòa đồng, không ảnh hưởng đến mọi người xung quanh. Trong quá trình chung sống, ông T1 chăm lo làm ăn, không chơi bời nhậu nhẹt, hoàn thành nghĩa vụ đối với địa phương. Do đó,

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn chưa đến mực độ trầm trọng có thể hàn gắn được nên không chấp nhận yêu cầu của bà T xin ly hôn đối với ông T1.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Xuân T1 có 01 người con chung: Nguyễn Thị Nam Bình - sinh ngày: 30.8.2009.

Do không chấp nhận yêu cầu của bà T xin ly hôn đối với ông T1 nên vấn đề con chung Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0007103 ngày 29/6/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích T xin được ly hôn đối với ông Nguyễn Xuân T1.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chungvà nợ chung: Không đề cập giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0007103 ngày 29/6/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Sơn